

Bản án số: **129/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 03/12/2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Phước Tường**.

- Ông **Quách Trung Sơn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 205/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt).

ĐKKHKT: Khu phố A, thị trấn B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

* *Bị đơn:* Anh **Đoàn Quốc T**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị D:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Đoàn Quốc T cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Anh chị chung sống đến khoảng tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/02/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn anh Đoàn Quốc T:

Bị đơn anh Đoàn Quốc T dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Đoàn Quốc T. Anh T có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Anh Đoàn Quốc T dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị D và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh. Đối với chị Lê Thị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Nhận thấy đơn xin vắng mặt của chị D nộp cho Tòa án là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh anh T cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì ly thân cho đến nay. Theo chị D khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, xung đột dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ngoài ra anh T không quan tâm chăm sóc vợ con và bỏ về gia đình nhà cha mẹ ruột. Nên anh chị ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy chị D với anh T cưới nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến tháng 3/2020 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D cương quyết ly hôn, còn anh T vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện của chị D, xem như anh đã từ bỏ quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của anh trong vụ án này. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/02/2019. Khi ly hôn chị D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T không có ý kiến gì về nuôi con chung chưa thành niên. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị D là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên đã ổn định và phát triển bình thường. Mặt khác con chung của anh chị đến nay mới hơn hai tuổi. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D là giao con chưa thành niên tên Lê Thị Huỳnh N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, anh T không có ý kiến gì về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị D.

- Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Đoàn Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của anh chị tên Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/02/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000520, ngày 05/4/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG